

Bản án số: 45/2024/DS-PT
Ngày 23 - 02 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê T1 Hùng

Các Thẩm phán: - Ông Trương T1 Dũng

- Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 233/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 244/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1979 (có mặt)

1.2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974 (có mặt)

1.3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phan Văn C, sinh năm 1962 (vắng mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị Bình T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Vũ P, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Bà Nguyễn Thị T1 N, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Chí L.

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2023 (có mặt)

3.6. Bà Sơn Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sơn Thị N: Ông Nguyễn Văn D. Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Theo văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023 (có mặt)

3.7. Anh Nguyễn Chí Q, sinh năm 1999 (vắng mặt)

3.8. Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Chí L; Ông Nguyễn Văn D; Bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11 tháng 12 năm 2020 và ngày 27 tháng 02 năm 2023, các lời khai tiếp theo tại Tòa án, đồng nguyên đơn ông Nguyễn Chí L, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P, đồng thời ông L cũng là đại diện theo ủy quyền của bà H, ông D đại diện theo ủy quyền của bà Sơn Thị N, trình bày: Cha của các ông bà là cụ Nguyễn Văn H, chết năm 2020. Khi còn sống, cụ H có lập hợp đồng tặng cho ông D, ông L và bà P các phần đất. Cụ thể:

Cụ H cho ông L phần đất ở và đất vườn có diện tích Nng một đầu 7m (giáp lộ), một đầu 09m (giáp sông), dài từ lộ xuống sông có diện tích đo đạc thực tế 519,8m². Ngoài ra, cụ H còn tặng cho ông L phần đất nhà mô có diện tích đo đạc thực tế 621,4m² và phần đất của cụ H sử dụng khi còn sống có diện tích 585,7m². Hiện phần đất này có nhà mô, căn nhà của ông L, căn nhà tình nghĩa của cụ H. Tất cả phần đất này đều thuộc thửa 749, tờ bản đồ số 04. Ngoài ra, cụ H còn tặng cho ông L phần đất trồng lúa có diện tích đo đạc thực tế 4.684,3m² thuộc một

phần thửa 871, tờ bản đồ số 04; phần đất trồng lúa có diện tích đo đạc thực tế 5.594,8m², thuộc thửa 717, tờ bản đồ số 04. Cả hai phần đất trồng lúa này hiện do vợ chồng ông L, bà H quản lý sử dụng. Nay ông L yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà khi còn sống cụ H cho ông L. Căn cứ của việc yêu cầu tặng cho là biên bản họp gia đình ngày 30/3/2010, giấy cho tặng tài sản 24/4/2019, giấy chia đất cho con lập ngày 23/6/2020, giấy phân chia ruộng vườn lập ngày 05/6/1996.

Cụ H cho bà P phần đất ở và đất vườn có diện tích Nng một đầu 7m (giáp lộ), một đầu 09m (giáp sông), dài từ lộ xuống sông có diện tích đo đạc thực tế 493,7m², hiện phần đất này do ông L đang sử dụng; Ngoài ra, cụ H còn tặng cho bà P phần đất trồng lúa có diện tích đo đạc thực tế 2.912,2m² thuộc một phần thửa 871, tờ bản đồ số 04. Phần đất lúa bà P đang quản lý, sử dụng. Căn cứ của việc yêu cầu T3 cho là biên bản họp gia đình ngày 30/3/2010, giấy cho T3 tài sản 24/4/2019, giấy phân chia ruộng vườn lập ngày 05/6/1996.

Cụ H cho ông D phần đất trồng lúa có diện tích đo đạc thực tế 2.951,6m². Căn cứ của việc yêu cầu tặng cho là biên bản họp gia đình ngày 30/3/2010, giấy chia đất cho con lập ngày 23/6/2020. Hiện phần đất trồng lúa này do vợ chồng ông D quản lý, sử dụng.

Tất cả các phần đất mà ông L, ông D, bà P yêu cầu công nhận việc tặng cho quyền sử dụng đất là tọa lạc ấp Ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, do hộ cụ Nguyễn Văn H đứng tên quyền sử dụng đất ngày 14/11/2000.

- *Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Bình T, ông Phan Văn C trình bày:* Ông C, bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L, bà P, ông D. Đối với phần đất nền (vườn) khi còn sống, cụ H là cha của bà T đã cho con bà T là Phan Vũ P1. Riêng phần đất lúa thì ông H đã cho bà N. Bà T xác định bà không có ký tên vào biên bản họp gia đình ngày 30/03/2010 nhưng bà T có lặn tay. Bà T cũng không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2023: Ông T1 là con cụ H. Ông T1 thống nhất việc cụ H T3 cho ông L, bà P, ông D phần đất theo biên bản họp gia đình ngày 30/3/2010, cụ thể ông H tặng cho ông L, bà P mỗi người 01 cái nền nhà ngang 6m x dài đến mé sông và mỗi người 02 công đất ruộng (P, D, L), phần đất còn lại là của cụ H và ông T1 không đồng ý tặng cho ông L. Cụ H chết năm 2020, cụ H không để lại di chúc, ông T1 cũng không đặt ra tranh chấp thừa kế trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2023:* Ông C là con cụ H; Ông C thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông L, ông D và bà P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2023: Bà N là con cụ H. Cụ H chết năm 2020 không để lại di chúc. Bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L, bà P, ông D vì phần đất trồng lúa khi còn sống cụ H đã cho bà N và bà N đã được cấp quyền sử dụng đất. Riêng phần đất vườn, đất ở thì khi còn sống, cụ H đã cho Vũ P1 là con bà T và cũng được cấp quyền sử dụng đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Vũ P1, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Q không có lời trình bày trong hồ sơ: Tòa án có triệu tập ông P1, ông T1, ông Q đến Tòa án nhưng các đương sự này không đến, Tòa án có đến nhà lấy lời khai nhưng ông P1 không đồng ý cung cấp lời khai, riêng ông T1, ông Q không có nhà nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu Quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí L về việc công nhận hợp đồng T3 cho quyền sử dụng đất đối với các phần đất như sau:

* Đối với phần đất ở, đất vườn có diện tích 1.105,5m² và 01 căn nhà tình nghĩa của cụ H chết để lại có diện tích Nga ng 4,1m x 10,9m = 44,69m² có kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, nền gạch men, vách tường xây, mái tol xi măng nhà loại IV.42 tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 749, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp lộ bê tông có số đo 6m; 2,04m; 1,87m; 2,11m;

Hướng tây giáp sông Thạnh Long có số đo 9m;

Hướng nam giáp đất bà T đang sử dụng có số đo 37,04m; 36,71m;

Hướng bắc giáp đất bà Pyêu cầu có số đo 69,12m.

* Đối với phần đất nhà mồ có diện tích 621,4m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 749, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp lộ bê tông có số đo 2,04m; 14,21m;

Hướng tây giáp sông Thạnh Long có số đo 7,09m;

Hướng nam giáp đất bà P yêu cầu có số đo 65,89m;

Hướng bắc giáp đất ông Ân có số đo 29,96m; 6,67m; 30,35m.

* Đối với phần đất trồng lúa thứ nhất có diện tích đo đạc thực tế 4.684,3m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 871, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp phần đất trồng lúa bà P yêu cầu có số đo 48,31m;

Hướng tây giáp đất Phùng Minh Quyền có số đo 33,56m; 12,84m;

Hướng nam giáp đất ông Xe có số đo 23,68m; 2,40m; 2,28m; 27,61m; 31,86m;

Hướng bắc giáp đất ông Út có số đo 28,49m; 75,77m.

* Đối với phần đất trồng lúa thứ hai có diện tích đo đạc thực tế 5.594,8m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 717, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị A có số đo 16,30m; 28,15m;

Hướng tây giáp đất ông D yêu cầu có số đo 46,30m;

Hướng nam giáp đất ông Xe có số đo 40,94m; 20,28m; 48,70m; 11,69m;

Hướng bắc giáp đất ông Hồ, ông On sử dụng có số đo 32,47m; 29,25m; 59,76m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các phần đất như sau:

* Đối với phần đất ở, đất vườn có diện tích 493,7m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 749, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp lộ bê tông có số đo 6m;

Hướng tây giáp sông T có số đo 9m.

Hướng nam giáp đất ông L yêu cầu có số đo 69,12m.

Hướng bắc giáp đất nhà mồ có số đo 65,89m.

* Đối với phần đất trồng lúa có diện tích đo đạc thực tế 2912,2m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 871, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp phần đất bà T có số đo 17,65m; 4,59m; 21,73m;

Hướng tây giáp đất ông L yêu cầu có số đo 48,31m;

Hướng nam giáp đất ông T3, ông X có số đo 7,59m; 48,70m; 2,89m;

Hướng bắc giáp đất ông U, ông H1 có số đo 64,33m.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất trồng lúa có diện tích 2.951,6m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 724, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp phần đất bà T có số đo 17,65m; 4,59m; 21,73m;

Hướng tây giáp đất ông L yêu cầu có số đo 48,31m;

Hướng nam giáp đất ông T3, ông X có số đo 7,59m; 48,70m; 2,89m;

Hướng bắc giáp đất ông U, ông H1 có số đo 64,33m.

(Trích đo thửa đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời Bản án)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn Q định phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu bày quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền; Về thẩm quyền, tư cách tham gia tố tụng, trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải Q vụ án giai đoạn sơ thẩm đã được cấp sơ thẩm nhận định và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2]. Về tố tụng: Ông Phan Văn Châu, bà Nguyễn Thị Bình T là đồng bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Vũ P1, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T1 N, anh Nguyễn Chí Q, anh Nguyễn Chí T1 đã được tổng đạt hợp lệ vắng mặt đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Ông D, ông L, bà P, bà N, ông C, ông T1, bà T đều thống nhất xác định các ông bà là anh em ruột, là con của cụ Nguyễn Văn H (chết năm 2020) và cụ Đỗ Thị Liên (chết năm 2005). Nguồn gốc phần đất mà hiện các đồng nguyên đơn khởi kiện là của cụ H, cụ Liên, đất tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Văn H ngày 14/11/2000. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Xét kháng cáo của các nguyên đơn bà P, ông L, ông D kháng cáo yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là biên bản họp gia đình ngày 30/3/2010, giấy cho tặng tài sản 24/4/2019, giấy phân chia ruộng vườn lập ngày 05/6/1996, giấy chia đất cho con lập ngày 23/6/2020, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/4/2010.

[5]. Xét biên bản họp gia đình ngày 30/3/2010 mà khi còn sống, cụ H có lập để phân chia đất cho các con, trong đó có bà P, ông D, ông L hiện nay chưa được C quyền sử dụng đất. Riêng ông C, ông T1, bà N, bà T đã được C quyền sử dụng đất. Về hình thức biên bản không đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 467 Bộ luật dân sự (không đúng mẫu là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất), tuy nhiên biên bản họp gia đình ngày 30/3/2010 có cụ H và tất cả các con của cụ H, cụ Liên gồm: Ông L, ông C, ông D, bà P, ông T1, bà T, bà N đều có ký tên và lấn tay vào biên bản (bà T lấn tay do không biết chữ) điều này được tất cả các đương sự thừa nhận trong quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay. Ngoài ra có trưởng ấp T và Ủy ban nhân dân xã C, huyện Vĩnh L ký xác nhận. Theo biên bản họp gia đình thể hiện, cụ H cho bà P, ông L, ông D, bà N mỗi người 02 công tầm cây đất trồng lúa của thửa 1015, 717, 724. Ngoài ra, cụ H cho ông L 1,5 công tầm cây đất trồng lúa thửa 871, phần diện tích còn lại 5.790m² là của cụ H; đất thổ cư, vườn tạp của thửa 749 cắt cho bà P nền ngang 6m, dài từ lộ đến sông, tương tự như vậy cắt cho ông L nền Ngang 6m, dài từ lộ đến sông. Ngoài ra, biên bản họp gia đình không thể hiện cho ông L các phần đất ở, đất vườn, đất trồng lúa khác theo yêu cầu khởi kiện của ông L.

Các nguyên đơn xác định sau khi làm biên bản họp gia đình các nguyên đơn cùng với cụ H đến chính quyền ở địa phương để làm thủ tục C quyền sử dụng đất, nhưng tại Ủy ban nhân dân xã thì cụ H đòi ý không làm thủ tục C quyền (BL 204 – 2011). Như vậy, ý chí của cụ H không tiếp tục thực hiện theo biên bản họp gia đình này.

[6]. Xét giấy phân chia ruộng vườn lập ngày 05/6/1996, giấy cho tặng tài sản 24/4/2019, giấy chia đất cho con lập ngày 23/6/2020, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/4/2010.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Bản án dân sự phúc thẩm số 175 và 176 ngày 25/12/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (đã có hiệu lực pháp luật) giải quyết yêu cầu của các nguyên đơn tranh chấp với cụ H và các bị đơn là Nguyễn Thị T1 N, Nguyễn Thị Bình T, Phan Vũ P1 đã xác định phần đất tại các thửa 781, 717, 749, tờ bản đồ số 4 (cũ) là cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H, như vậy đây là quyền sử dụng chung của hộ và là tài sản chung của cụ H với cụ Liên. Từ đó cho thấy giấy cho tặng tài sản 24/4/2019, giấy chia đất cho con lập ngày 23/6/2020, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 07/4/2010 chỉ có cụ H ký tên là không đúng quy định của pháp luật. Riêng giấy phân chia ruộng vườn lập ngày 05/6/1996 thời điểm này cụ H chưa được cấp quyền sử dụng đất và chỉ có cụ H ký, cụ Liên không ký nên không có hiệu lực.

[7]. Căn cứ Điều 467 của Bộ luật dân sự 2005 (Điều 459 của Bộ luật Dân sự 2015) quy định “*hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực từ thời điểm đăng ký...*”. Đến thời điểm hiện tại các nguyên đơn cũng chưa C quyền sử dụng đất trong khi cụ H đã chết. Nên hợp đồng không phát sinh hiệu lực.

Đối chiếu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như đã phân tích trên, cụ H liên tục thay đổi ý chí liên quan đến việc T3 cho đất cho ông L, ông D, bà P, cụ thể theo biên bản hợp gia đình cụ H cho ông L, bà P, ông D lập năm 2010, cũng trong năm 2010 cụ H đã thay đổi ý chí không cho đất cho ông L, bà P, ông D nên từ chối ký C quyền tại Ủy ban nhân dân xã C; sự thay đổi ý chí của cụ H còn thể hiện vào năm 2013 cụ H lấy phần đất này tặng cho ông P1, bà N, bà T và được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bạc Liêu xét xử hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ H đối với bà N, ông P1, bà T do hợp đồng tặng cho không đúng quy định. Nên yêu cầu của các nguyên đơn không thuộc trường hợp áp dụng án lệ số 52/2021/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “Hiệu lực của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất khi chưa đăng ký quyền sử dụng đất”.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, ông D, bà P về việc yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các phần đất nêu trên là có căn cứ.

Do trong vụ án này, các đương sự không ai đặt ra tranh chấp thừa kế, quá trình giải Q vụ án các nguyên đơn không yêu cầu giải Q tranh chấp chia thừa kế trong vụ án này (BL 320) nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Các đương sự được quyền tranh chấp thừa kế khi có yêu cầu tại Tòa án có thẩm quyền.

Xét đề xuất của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng đã được cấp sơ thẩm xem xét phù hợp quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm các nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông L, ông D, bà P mỗi người phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng. Ông L, ông D, bà P mỗi người đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo các biên lai số 0003670; 0003671; 0003672 cùng ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh L được C thu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí L, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ khoản 3, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 101, 104, 157, khoản 1 Điều 165, 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 467 của Bộ luật dân sự 2005 (Điều 459 của Bộ luật dân sự 2015)

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, các khoản 1, 3 Điều 26 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí L về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các phần đất như sau:

* Đối với phần đất ở, đất vườn có diện tích 1.105,5m² và 01 căn nhà tình nghĩa của cụ H chết để lại có diện tích ngang 4,1m x 10,9m = 44,69m² có kết cấu khung sườn bê tông cốt thép, nền gạch men, vách tường xây, mái tol xi măng nhà loại IV.42 tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 749, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp lộ bê tông có số đo 6m; 2,04m; 1,87m; 2,11m;

Hướng tây giáp sông T có số đo 9m;

Hướng nam giáp đất bà T đang sử dụng có số đo 37,04m; 36,71m;

Hướng bắc giáp đất bà P yêu cầu có số đo 69,12m.

* Đối với phần đất nhà mồ có diện tích 621,4m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 749, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp lộ bê tông có số đo 2,04m; 14,21m.

Hướng tây giáp sông T có số đo 7,09m.

Hướng nam giáp đất bà P yêu cầu có số đo 65,89m

Hướng bắc giáp đất ông A có số đo 29,96m; 6,67m; 30,35m.

* Đối với phần đất trồng lúa thứ nhất có diện tích đo đạc thực tế 4.684,3m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 871, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp phần đất trồng lúa bà P yêu cầu có số đo 48,31m;

Hướng tây giáp đất Phùng Minh Q có số đo 33,56m; 12,84m.

Hướng nam giáp đất ông X có số đo 23,68m; 2,40m; 2,28m; 27,61m; 31,86m.

Hướng bắc giáp đất ông U có số đo 28,49m; 75,77m.

* Đối với phần đất trồng lúa thứ hai có diện tích đo đạc thực tế 5.594,8m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 717, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị A có số đo 16,30m; 28,15m

Hướng tây giáp đất ông D yêu cầu có số đo 46,30m.

Hướng nam giáp đất ông X có số đo 40,94m; 20,28m; 48,70m; 11,69m.

Hướng bắc giáp đất ông H, ông O sử dụng có số đo 32,47m; 29,25m; 59,76m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các phần đất như sau:

* Đối với phần đất ở, đất vườn có diện tích 493,7m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 749, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp lộ bê tông có số đo 6m;

Hướng tây giáp sông T có số đo 9m.

Hướng nam giáp đất ông L yêu cầu có số đo 69,12m.

Hướng bắc giáp đất nhà mồ có số đo 65,89m.

* Đối với phần đất trồng lúa có diện tích đo đạc thực tế 2912,2m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 871, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp phần đất bà T có số đo 17,65m; 4,59m; 21,73m;

Hướng tây giáp đất ông L yêu cầu có số đo 48,31m

Hướng nam giáp đất ông T3, ông Xe có số đo 7,59m; 48,70m; 2,89m.

Hướng bắc giáp đất ông U ông H có số đo 64,33m.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất trồng lúa có diện tích 2.951,6m² tọa lạc ấp T, xã C, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu, thuộc một phần thửa 724, tờ bản đồ số 04 (cũ) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc Liêu cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H vào ngày 14/11/2000, có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp phần đất bà T có số đo 17,65m; 4,59m; 21,73m;

Hướng tây giáp đất ông L yêu cầu có số đo 48,31m

Hướng nam giáp đất ông T3, ông X có số đo 7,59m; 48,70m; 2,89m.

Hướng bắc giáp đất ông U, ông H có số đo 64,33m.

(Trích đo thửa đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời Bản án).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông L, ông D, bà P mỗi người phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng. Ông L, ông D, bà P mỗi người đã nộp tạm ứng án phí số tiền 600.000 đồng theo các biên lai số 0008548 ngày 22/02/2021, Biên lai số 0313761, số 313762, 313763 cùng ngày 21/8/2023. Đối trừ số tiền án phí ông L, ông D, bà P mỗi người được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh L.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Chí L, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu số tiền án phí 300.000 đồng. Ông L, ông D, bà P mỗi người đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo các biên lai số 0003670; 0003671; 0003672 cùng ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh L được C thu án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng 14.838.193 đồng, ông L đã nộp tạm ứng và chi phí hết. Bà P, ông D mỗi người có trách nhiệm T1 toán lại cho ông L số tiền 4.946.064 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh L;
- CCTHADS huyện Vĩnh L;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Lê T1 Hùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trương T1 Dũng Lê Phan Công Trí

Lê T1 Hùng